TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 09-08-2018.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Ngô Bá Đức.
Ông Lê Kim Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Mỹ N** - Sinh năm: 1983, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Đỗ Văn R** - Sinh năm: 1978, địa chỉ: ấp T, xã X, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2018, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Phan Thị Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn R tổ chức lễ cưới vào năm 2002; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N (nay là huyện M), tỉnh

Bến Tre vào ngày 11 tháng 12 năm 2002 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn; việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được mười năm thì phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân chủ yếu là do anh R thay đổi tính tình, thường hay uống rượu, sau khi đã có uống rượu thì lại đánh chị nên từ đó làm cho cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Chị và anh R đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Kể từ khi sống ly thân, chị và anh Rinh không có gặp gỡ, trao đổi gì với nhau nhằm mục đích đoàn tụ, anh R cũng không có đến thăm chị và các con. Chị N cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể nào đoàn tụ được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh R, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị và anh R có hai người con chung là: Đỗ Minh N - Sinh ngày 02/02/2003 và Đỗ Văn C - Sinh ngày 10/4/2004, cả hai người con này hiện đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 550.000đồng/tháng/một người con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N trình bày là không có.

Bị đơn là anh Đỗ Văn R vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Phan Thị Mỹ N trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh R, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, yêu cầu được nuôi hai người con chung là Đỗ Minh N và Đỗ Văn C (hai người con này hiện sống chung với chị N), yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 550.000đồng/tháng/một người con kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi người con tròn mười tám tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản và trình bày là không có nợ. Tuy nhiên, trong phần tranh luận thì chị N lại rút một phần yêu cầu khởi kiện là chị không yêu cầu anh R phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đỗ Văn R trình bày: Anh đồng ý với lời trình bày của chị N về thời gian anh chị kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, về thời gian chung sống hạnh phúc, thời gian sống ly thân. Riêng về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì anh R cho rằng giữa anh và chị N có cự cãi, nhưng anh không có đánh chị N. Do sống bên gia đình ruột của chị N nên khi gia đình chị N đuổi anh đi ra khỏi nhà

thì anh rời khỏi nhà mà không rõ lý do vì sao. Năm năm qua anh và chị N vẫn sống ly thân, anh có liên lạc với chị N qua điện thoại nhưng không thể trao đổi để đoàn tụ được. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án giải quyết anh và chị N phải ly hôn thì anh không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Anh đồng ý theo nguyện vọng của hai người con là để chị N được quyền nuôi hai người con, nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản, đồng thời xác định là anh và chị N không có nợ của ai khoản nợ nào. Tuy nhiên, tại phần tranh luận, thì anh R có thay đổi quan điểm là anh đồng ý ly hôn với chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, các điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của chị Phan Thị Mỹ N; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ Nương, cụ thể: Chị Phan Thị Mỹ N được ly hôn với anh Đỗ Văn R. Chị N được quyền nuôi hai người con chung giữa chị với anh R là Đỗ Minh N - Sinh ngày 02/02/2003 và Đỗ Văn C - Sinh ngày 10/4/2004, anh R không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phan Thị Mỹ N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với anh Đỗ Văn R có địa chỉ tại ấp T, xã X, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn là anh Đỗ Văn R vắng mặt trong

giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Việc kết hôn giữa chị N với anh R tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện M, tỉnh Bến Tre là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị N cho rằng cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh R. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định được chị N và anh R có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị cũng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống mà mạnh ai nấy sống. Đồng thời trong phần tranh luận tại phiên tòa thì anh R đồng ý ly hôn với chị N. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh R đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh R là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Phan Thị Mỹ N, anh Đỗ Văn R không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về nuôi con chung:

[4.1] Chị N yêu cầu nuôi hai người con chung giữa chị với anh R là: Đỗ Minh N - Sinh ngày 02/02/2003 và Đỗ Văn C - Sinh ngày 10/4/2004. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh R cũng đồng ý với yêu cầu nêu trên của chị N. Tại các biên bản về việc hỏi ý kiến của người con từ đủ 07 (bảy) tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia đình thì Đỗ Minh N và Đỗ Văn C đều có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ là chị Phan Thị Mỹ N. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Phan Thị Mỹ N rút yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị N, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của chị Phan Thị Mỹ N.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Phan Thị Mỹ N, anh Đỗ Văn R không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Mỹ N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 217, 218, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con của chị Phan Thị Mỹ N.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ N:

2.1) Về quan hệ hôn nhân:

2.1.1. Chị Phan Thị Mỹ N được ly hôn với anh Đỗ Văn R.

2.1.2. Ghi nhận việc chị Phan Thị Mỹ N và anh Đỗ Văn R không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2.2) Về nuôi con chung:

2.2.1. Chị Phan Thị Mỹ N được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh Đỗ Văn R là: Đỗ Minh N - Sinh ngày 02 tháng 02 năm 2003 và Đỗ Văn C - Sinh ngày 10 tháng 4 năm 2004 (hai người con này hiện đang sống chung với chị N).

2.2.2. Anh Đỗ Văn R có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Đỗ Văn R lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Phan Thị Mỹ N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đỗ Văn R.

2.2.3 Vì lợi ích của con chung, chị Phan Thị Mỹ N, anh Đỗ Văn R, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3) Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Phan Thị Mỹ N, anh Đỗ Văn R không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không

nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4) Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Mỹ N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014763 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre, chị Phan Thị Mỹ N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

2.5) Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Chị Phan Thị Mỹ N, anh Đỗ Văn R có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã X, huyện M, tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện M, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên